

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH Q
Số: 01/2025/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Q....., ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông A V, sinh năm 1970 và bà Y T, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N tỉnh K (từ 01/7/2025 địa chỉ là: Thôn K, xã D, tỉnh Q).

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1978 và bà Y H, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K (từ 01/7/2025 địa chỉ là: là Thôn K, xã D, tỉnh Q).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nội dung tranh chấp:*

Diện tích đất tranh chấp theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2024 giữa ông A V, bà Y T và ông Lê Văn T, bà Y H là 120m², địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Tuy nhiên theo trích lục thửa đất đo vẽ ngày 21/10/2024 thì diện tích đất tranh chấp là 86m² đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất: 351, tờ bản đồ 48, địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Quá trình giải quyết vụ án xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 86m², đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất: 351, tờ bản đồ 48, địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K có nguồn gốc của ông Lê Văn T, bà Y H khai hoang, thửa đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất ông A V số đo là 4,6m; 1,3m; 4,4m.

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn T số đo là 9,5m.

Hướng Nam giáp đất ông A V số đo là 9,7m.

Hướng Bắc giáp đất ông A V số đo là 8,3m.

Ông Lê Văn T, bà Y H đồng ý để lại toàn bộ diện tích 86m² đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất: 351, tờ bản đồ 48 của ông Tường, bà Hái cho ông A V, bà Y T toàn quyền quản lý, sử dụng. Ông A V, bà Y T đồng ý thanh toán cho ông Lê Văn T, bà Y H giá trị của 86m² đất tương đương với giá trị thành tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ông A V, bà Y T đã thanh toán cho ông Lê Văn T, bà Y H 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo giấy giao nhận tiền ngày 02/7/2025.

Ông A V, bà Y T được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích đất và địa chỉ nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:* Ông A V, bà Y T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.880.000đ (Năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Ông A V, bà Y T đã nộp đủ

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông A V, bà Y T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông A V, bà Y T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm thành tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông A V, bà Y T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0002053 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, tỉnh Q).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen